TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PY** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2017
V/v trA chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PY - TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

2. Ông Lê Thúc Giang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Th Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã PY.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY tham gia phiên toà:* Bà Cù Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2016/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX - ST ngày 20 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Khả Do, Xã N, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Vũ Đoàn Đ, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cẩm Đông, N, PY, Vĩnh Phúc

3.2 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1940 (có mặt)

3.3 Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khả Do, N, PY, Vĩnh Phúc

3.4 Ông Ngô Văn Th - Trưởng thôn Khả Do Xã N (vắng mặt)

Địa chỉ: Khả Do, N, PY, Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 19 tháng 10 năm 2016 và quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Th được tự do tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 1989 tại UNBD Xã N, huyện Mê Linh (cũ) nay là thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông bà được cấp giấy chứng nhận kết hôn mang về để trong hòm gỗ cùng với nhiều giấy tờ quan trọng khác của cả gia đình, đã bị mối xông hết nên bây giờ không còn giấy tờ gì. Ông Vũ Đoàn Đ là cán bộ T pháp năm 1989 đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông bà. Sau khi kết hôn bà Th về làm dâu nhà ông rồi hai vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ ông, quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc. Năm 2011 bà Th có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân thị xã PY xét xử về tội gây rối trật tự công cộng. Năm 2014,sau khi đi chấp hành hình phạt tù về bà Th thay tính đổi nết nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất hòa. Trong cuộc sống bà Th không tôn trọng ông và gia đình nhà chồng, chửi bới, khinh rẻ ông không có học, cãi nhau và không thăm hỏi mẹ chồng mặc dù ở gần kề ngay nhà nhau. Từ tháng 6 năm 2015 vợ chồng ông vẫn sống chung cùng nhà nhưng không quan tâm, nói chuyện, ăn uống và sinh hoạt chung cùng nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đã trầm trọng nên tháng 7 năm 2016 ông làm đơn xin ly hôn bà Th. Sau đó đã rút đơn về để cho bà Th một cơ hội sửa chữa, hàn gắn. Tòa án nhân dân thị xã PY đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 40/2016/QĐST ngày 19 tháng 8 năm 2016 nhưng từ đó đến nay bà Th vẫn không thay đổi tính nết, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Ông T xác định vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, ông tiếp tục làm đơn đề nghị ly hôn với bà Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1992(đã mất năm 2012 do bị bệnh) và cháu Nguyễn Thị Mai Lan, sinh năm 1994. Cháu Lan đã đi lấy chồng và có gia đình riêng, ông không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như ông T đã trình bày là đúng. Bà và ông T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 1989 tại UBND Xã N, huyện Mê Linh (cũ) nay là thị xã PY do đã lâu nên không nhớ được ngày tháng chính xác. Ông Vũ Đoàn Đ cán bộ T pháp lúc đó là người trực tiếp thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà và ông T, ông bà đã được cấp giấy đăng ký kết hôn nhưng sau đó bị mối xông mất. Sau khi kết hôn bà về làm dâu nhà ông T sống chung cùng gia đình một thời gian rồi vợ chồng ra ở riêng vẫn trên đất nhà của nhà ông T. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Năm 2012 con trai của ông bà là Nguyễn Anh T bị

bệnh mất, ông T và gia đình muốn có con trai nữa nên đòi lấy vợ khác cho ông T, chứ thực ra vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Vì lý do muốn có vợ và con trai khác cho nên từ năm 2015 vợ chồng bà có xảy ra mâu thuẫn, ông T quay ra hắt hủi bà, hay kiếm cớ sinh sự, uống rượu chửi bới, gây gổ đánh bà có lần bà đã phải báo Công an Xã N đến giải quyết. Từ tháng 6 năm 2015 đến nay bà và ông T không sinh hoạt ăn chung, không ngủ chung với nhau. Bà và ông T tuy ở cùng nhà nhưng ông T không ăn cơm cùng bà mà xuống ăn cơm cùng mẹ đẻ với em trai. Ông T xin ly hôn bà không nhất trí vì ông bà đã có tuổi, lý do xin ly hôn của ông T chẳng qua là muốn lấy vợ khác để có con trai. Bà xác định đến nay vợ chồng không còn tình cảm, nhưng ông bà đã có tuổi, ngại con gái đi lấy chồng xấu hổ với gia đình nhà chồng, bà không nhất trí ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 1992(đã mất năm 2012 do bị bệnh)và cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1994. Cháu L đã đi lấy chồng và có gia đình riêng. Bà không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Bà Th không nhất trí ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

*** Lời khai của những người làm chứng:**

- Cụ Nguyễn Thị B là mẹ đẻ của ông T trình bày tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa: Ông T và bà Th kết hôn với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại UBND Xã N năm 1989. Sau khi kết hôn thì bà Th về làm dâu tại nhà cụ, rồi nhập khẩu về gia đình nhà cụ. Quá trình chung sống ông T và bà Th có xảy ra tranh cãi, xích mích, mắng chửi nhau. Hai năm trở lại đây ông T và bà Th không sinh hoạt chung cùng với nhau. Ông T xuống ăn cơm cùng cụ và con trai út, không sinh hoạt cùng bà Th.

- Chị Nguyễn Thị Mai L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trình bày tại biên bản lấy lời khai: Chị là con gái của ông T và bà Th, việc bố chị có đơn xin ly hôn với mẹ chị là do bố mẹ có mâu Thẫn với nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy sống cùng nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, sinh hoạt chung cùng nhau. Bố mẹ chị mâu thuẫn khó có khả năng đoàn tụ, bố chị xin ly hôn với mẹ chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Vũ Đoàn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản xác minh cho biết: Ông là cán bộ T pháp từ năm 1985 - 1990 tại Xã N. Khoảng năm 1989 ông có đăng ký kết hôn cho ông T và bà Th tại UBND Xã N còn ngày, tháng cụ thể thì ông không còn nhớ rõ do đã lâu năm rồi. Tại địa phương ông T và bà Th chung sống cùng nhau từ năm 1989 cho đến nay, có con chung với nhau.

- Ông Ngô Văn Th - Trưởng thôn Khả Do Xã N vắng mặt tại phiên tòa, tại

biên bản xác minh cho biết: Ông là người cùng xóm với vợ chồng ông T và bà Th. Ông T và bà Th kết hôn với nhau khoảng hơn 20 năm, trước đây ông bà chung sống hạnh phúc. Từ năm 2012 do cháu Anh T mất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cũng từ việc bà Th có vay nợ. Thực tế, ông T và bà Th ở cùng nhà nhưng không ăn chung cùng nhau, việc chung sống hòa thuận mấy năm nay không có. Ông T xin ly hôn với bà Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND Xã N thấy: Ông T và bà Th chung sống vợ chồng từ những năm 1989 - 1990. Sổ sách đăng ký kết hôn tại UBND xã trước năm 1999 đã bị mối xông hết nên không còn lưu trữ được. Tại địa phương ông T và bà Th vẫn chung sống với nhau nhưng có nhiều mâu thuẫn nên đã làm đơn đề nghị xác nhận để giải quyết ly hôn. Ông Vũ Đoàn Đ là cán bộ tư pháp trong thời gian từ năm 1985 -1990, còn ai là người ký đăng ký kết hôn thì không xác định được vì có rất nhiều người có thẩm quyền ký xác nhận.

Theo tài liệu sổ hộ khẩu ông T cung cấp, công văn trả lời của Công an thị xã PY: Tại quyển sổ hộ khẩu số 277/Q01/T65 cấp ngày 05/12/1997 do ông Nguyễn Văn T là chủ hộ. Các thành viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970- Quan hệ với chủ hộ: vợ; Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/8/1992-con; Nguyễn Thị Mai L, sinh 14/10/1994 - con. Ngoài ra không có giấy tờ gì thể hiện ông T và bà Th là vợ chồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY có quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về xin ly hôn cả nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại Xã N, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân thị xã PY giải quyết.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng T cách những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho những người tham gia tố tụng và chuyển quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát thị xã PY đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 xử:

Ông Nguyễn Văn T ly hôn bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 19 tháng 10 năm 2016 ông T có đơn xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Th. Cả nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại Xã N, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền Thộc về Tòa án nhân dân thị xã PY giải quyết theo quy định tại 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và Thư ký Tòa án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị Th. Hội đồng xét xử thấy: Ông T và bà Th đều thống nhất có được tự do tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn với nhau năm 1989 tại UBND Xã N. Cả hai ông bà đều cùng thừa nhận là có đăng ký kết hôn, có được cấp giấy đăng ký kết hôn, ông Vũ Đoàn Đ là cán bộ T pháp thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông bà năm 1989. Sau đó ông bà mang đăng ký kết hôn về nhà cất trong hòm gỗ bị mối xông hết. Ông Vũ Đoàn Đ là cán bộ T pháp Xã N trong thời gian từ năm 1985 - 1990 cũng xác nhận sự việc trên. Hồ sơ sổ sách lưu trữ tại UBND Xã N cũng không còn lưu trữ được sổ gốc nên không thể cấp lại bản sao việc đăng ký kết hôn cho ông T và bà Th. Mặc dù đăng ký kết hôn không có bản gốc, bản sao nhưng nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều xác nhận việc ông T bà Th có đăng ký kết hôn với nhau. Như vậy chứng tỏ đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông T làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa lần thứ hai. Trước đây ông cũng đã có đơn xin ly hôn đối với bà Th nhưng tự nguyện rút đơn với lý do là để cho bà Th một cơ hội sửa chữa. Cả ông T và bà Th đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tranh cãi bất hòa. Từ tháng 6/2015 thì đã không còn nói chuyện cùng nhau không ăn chung, ngủ chung, sinh hoạt chung nhau. Ông T muốn ly hôn, bà Th không nhất trí với lý do ông bà đã có tuổi và không muốn con gái đi lấy chồng bị ảnh hưởng. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa Thận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công*

tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn xin ly hôn với bà Th. Bà Th không nhất trí ly hôn nhưng cũng trình bày vợ chồng bà trước đây có cãi chửi nhau, xảy ra xích mích, bà cũng không còn tình cảm gì với ông T, hiện tại thì không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Như vậy việc ông bà sống chung với nhau nhưng không còn thương yêu, chăm sóc nhau, bà Th không nhất trí ly hôn với lý do đã lớn tuổi, sợ mang tiếng với thông gia của con gái ông bà. Thực tế tình cảm vợ chồng ông T và bà Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T với bà Th.

[3] *Về con chung*: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 1992(đã mất năm 2012 do bị bệnh)và cháu Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1994. Cháu Lan đã đi lấy chồng và có gia đình riêng, ông T và bà Th không đề nghị giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức đóng góp: Ông T và bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Theo quy định tài khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 ông T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T ly hôn bà Nguyễn Thị Th.

[2] Về con chung: Không đề nghị giải quyết.

[3] Về tài sản, vay nợ, công sức đóng góp: Ông T và bà Th không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp là 200.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai Th số: AA/2014/0003451 ngày 21 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY. Ông T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã PY;
- Cục THADS tx PY;
- UBND Xã N;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Quý